

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2025
“ V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và bà Trần Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn Nhân và gia đình thụ lý số 22/2025/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Thanh N, sinh năm: 1998; nơi cư trú: thôn T, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm: 1995; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường B, tỉnh Quảng Trị (trước đây là tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Q, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H nhiều lần đánh đập chị. Vì không sống chung được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

10 năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H.

Chị trình bày vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Tuấn H:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập để anh H tham gia tố tụng nhưng anh H không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả như sau:

Tại Công an phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là Công an phường B, tỉnh Quảng Trị) xác định: “Công dân Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1995, đăng ký cư trú tại tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là tổ dân phố C, phường B, tỉnh Quảng Trị); hiện đang có mặt, làm ăn, sinh sống tại địa phương”.

Tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND phường B, tỉnh Quảng Trị) xác định: “UBND đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập các lần đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tổng đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Tuấn H. Lý do anh H vắng mặt tại các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án thì UBND phường không rõ”.

Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên toà nhưng anh H vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập anh H đến tham gia phiên toà vào nhưng anh H vẫn vắng mặt, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Tại phiên tòa:

- Chị Dương Thị Thanh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn Tuấn H vắng mặt, không có ý kiến giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tuấn H.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho chị Dương Thị Thanh N ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H. Chị N trình bày không có con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị Thanh N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H, đây là tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn H có đăng ký cư trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị); căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị).

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh Nguyễn Tuấn H nhưng anh H đều vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, không vi phạm điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của hai người là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của chị N và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vợ chồng sau kết hôn chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H nhiều lần đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị N, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Từ đó thấy hôn nhân giữa chị N và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N, xử cho chị Dương Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị Thanh N khởi kiện vụ án Hôn Nhân và gia đình nên phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị Thanh N; xử cho chị Dương Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H.

2. Án phí: Chị Dương Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003533 ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/7/2025), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3, t. Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND x. Quảng Trạch, t. Quảng Trị;
(CNKH số 12, năm 2023 x. Quảng Xuân);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Anh Đức